

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 5 (PHẦN CUỐI)

Luận: Ba tà kiến v.v...

Phỉ báng nhân quả, luận Du-già quyển 7, quyển 55, quyển 58; Đối Pháp quyển 1 hỗ tương không đồng, như trong Du-già sao tổng hợp.

Hỏi: Quyển 58 nói, tà kiến là tất cả cái thấy điên đảo đều gọi là tà kiến, phải biết kiến này lược có hai loại, trừ tà kiến còn có bốn, tất cả đều gọi là tăng ích tà kiến, phỉ báng nhân quả tất cả các kiến đều gọi là tổn diệt. Đối Pháp quyển 1 nói, bốn pháp tăng ích, đối với cảnh sở tri tăng ích tự tánh và sai biệt, tức bốn kiến ngoài tà kiến. Một phần nhiều phần là tổn diệt kiến, một nhiều phần do tà phân biệt chưa hẳn tổn giảm. Một thì nói toàn tổn, một thì nói nhiều phần, đâu không trái nhau?

Đáp: Trong quyển 58 riêng chỉ phỉ báng nhân quả tà kiến mà nói là đều tổn giảm, trong Đối Pháp nói chung tất cả tà kiến, nên nói nhiều phần, như chấp Thích Phạm thường hằng không biến đổi là vật, chẳng phải tổn giảm vì đối vọng không đồng nên không có lỗi. Lại có dị đồng, như hai luận sao tổng hợp.

Luận: Không có hai nhân luận.

Y túc trụ chấp như trong sơ đã nói, y tâm tứ là xét luận Bà-sa ghi: Hai do tâm tứ hư vọng suy cầu, nay thân đều có thể nhớ, thân trước nếu có những việc ấy, thì nay lẽ ra cũng nhớ, đã không thể nhớ nên biết nó không có. Còn lại như chương có biện rõ.

Hỏi: Đã nói túc thông vì sao không thể nhớ việc trước khi ra khỏi tâm?

Đáp: Ngoại đạo biết nhiều nhất không vượt quá tám mươi, tâm lúc nhập mong tâm sau xuất cách năm trăm kiếp nên không thể nhớ. Trong năm trăm kiếp mà vô tâm thì làm sao nhớ được, do đây vẫn còn chấp sinh.

Hỏi: Tâm ấy tuy không, sắc thân là có, lẽ nào không thấy? Nếu

nói không thấy, lại trái với nghĩa túc trụ nhớ tám sự, nếu thừa nhận thấy là nhân đó thân sinh, đây vì sao không có nhân?

Đáp: Tuy thấy sắc thân nhưng không biết nguyên nhân mà thân ấy có, do thấy không quá năm trăm kiếp, đã có thân ấy không thấy nhân sinh, cho nên thân ngày nay cũng không có sở nhân, ngay thân mà khởi. Có người mê lầm cho rằng túc mạng, tầm tứ đều không thể nhớ, sau khi ở vô tưởng chết mới ra khỏi việc trước của tâm gọi là hai không nhân. Điều này trong phần hỏi đáp của sơ lập làm hai nghĩa, chỉ có đứng về vô tưởng để đáp vặn hỏi trước, vì thế dẫn đến mê lầm nó, người học nên biết.

Luận: Hoặc chấp Tự tại v.v...

Hỏi: Các tà kiến này và ngã ngã sở, kiến giới hai thủ đều chẳng phải sáu mươi hai kiến nhiếp, lẽ nào không trái với kinh ư? Cho nên trong kinh A-hàm ghi: Có các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... bản kiến, mặt kiến vô số các thứ tùy ý nói hết trong sáu mươi hai kiến, đều là không có lỗi, cũng như người thợ khéo bắt cá, do mắt lưới nhỏ che trên nước ít, phải biết những loài thủy tộc trong ao đều vào trong lưới không chỗ trốn tránh?

Đáp: Có nghĩa giải thích: Lý thật riêng mê bốn đế tà kiến, tùy theo ứng nhiếp vào trong toàn thường, nhưng luận này ở trong biên kiến nói toàn thường v.v... cho nên toàn thường không nhiếp tà kiến. Do đây nên biết chỉ có biên kiến toàn thường v.v... nhiếp, chẳng phải toàn thường đều do biên kiến nhiếp. Bốn đế tà kiến ở trong toàn thường v.v... vì chẳng phải biên kiến.

Biện rằng: Giải thích cũng chưa hết, lý cũng khó rõ. Kinh nói bản mặt vô số kiến, vào trong sáu mươi hai kiến, lẽ nào là ngã ngã sở kiến giới thủ v.v... lại chẳng phải tà kiến? Vì sao không rõ? Lại nói, luận này ở trong biên kiến nói toàn thường v.v..., điều này cũng không đúng. Xem trong kinh ấy, bốn kiến thường v.v... cũng y biên kiến, vì sao chỉ có đoạn luận y nơi biên kiến mà nói? Nay có hai giải thích:

1. Ngoài sáu mươi hai, các biên kiến tà kiến y theo đời trước sau, do sáu mươi hai tà kiến mà khởi chấp, cũng đều nhiếp nhập trong sáu mươi hai kiến, như bốn pháp toàn thường. Kinh v.v... chỉ đứng về y định v.v... khởi, cũng có loại không nương Đẳng chí khởi chấp, tuy y tầm tứ lại có nhiều sai biệt. Những loại này đều vào trong bốn pháp toàn thường, còn lại chuẩn theo đây nên biết. Trong kinh căn cứ lý này gọi là nhiếp các kiến, đây tức là nghĩa ít phần tất cả, cũng như bốn đế nhiếp tất cả pháp, khổ nhiếp các khổ, các đức cũng vậy. Nói nhiếp các kiến,

cũng căn cứ đồng loại nhiếp nhau mà nói.

2. Y phẩm loại do kinh theo trọng gọi là nhiếp tất cả, các kiến là sáu mươi hai kiến loại đồng, trong đồng loại kiến lại có đồng dị, ngã kiến tức là loại biên kiến vì biên kiến y khởi, tà kiến chấp tự tại thường là loại thường kiến biên kiến, tuy chẳng phải sau ngã mới chấp vì đối với thường thường tương tự, còn lại chuẩn theo nên biết.

Hai thủ tùy theo chấp, làm sao thấy pháp v.v... tức là loại đó? Do hai loại ấy, và ngã ngã sở, lẽ ra đều nhiếp nhập trong sáu mươi hai, cũng như năm kiến gọi chung là tà kiến, lại kinh từ trọng, như nói vua bề tôi, bề tôi cũng gọi là vua, trong kinh tác pháp chỉ căn cứ trọng mà nói.

Sớ: Đã không có trong biên kiến, văn nhiếp để đoạn.

Trong quyển 58 thì có văn nói, chỉ là người kiểm văn sơ lược nên có xác quyết này, nên luận ấy ghi: “Tức dụng Tát-ca-da-kiến” lấy làm y chỉ, ở trong năm uẩn kiến ngã đoạn thường, cho nên biên chấp kiến cũng mê đối với khổ.

Luận: Bốn kiến thủ v.v...

Nhưng chuẩn theo Hữu tông chỉ chấp biệt pháp cho là thù thắng, tức gọi là kiến thủ, không chỉ có chấp kiến và uẩn đồng thời. Cho nên Câu-xá Luận quyển 19 ghi: Đối với liệt cho là thắng gọi là kiến thủ, chấp liệt là thắng gọi chung là kiến thủ, lý thật lẽ ra lập kiến v.v... tên là thủ, lược bỏ “vân vân” chỉ gọi là kiến thủ.

Luận: Năm giới cấm thủ v.v...

Lại chuẩn theo Hữu tông chỉ chấp chẳng phải nhân làm nhân tức gọi là giới thủ, không chỉ có chấp giới và uẩn đồng thời. Cho nên luận Câu-xá ghi: Đối với chẳng phải nhân, đạo cho là nhân đạo kiến, tất cả tổng gọi là giới cấm thủ, chẳng phải giải thoát đạo vọng khởi chấp đạo, lý thật lẽ ra nên lập tên thủ của giới cấm, lược bỏ “vân vân” chỉ gọi là giới cấm thủ.

Sớ: “Nhưng ở một tự” đến “nói vân vân cũng được”.

Tuy thấy quyển thuộc mà không có biệt chấp, nhưng trong một tự kiến là thù thắng nhất, nêu thắng so sánh với liệt để nói “đẳng” cũng không có lỗi, không đồng với Tiểu thừa mà lập chữ “đẳng”.

Luận: “Nhưng có chỗ nói” đến “gọi là giới thủ”.

Xét luận Hiền Dượng quyển 1 ghi: Bốn kiến thủ nghĩa là ở ba kiến trước và kiến sở y uẩn, chấp tối thắng và Đệ nhất nghĩa. Đối Pháp quyển 1 ghi: Nghĩa là đối với các mục và sở y năm thủ uẩn v.v... tùy quán chấp làm tối thắng, làm thượng làm diệu, năm uẩn đồng sở y. Lại

luận Hiển Dương quyển 1 ghi: Năm giới cấm thủ, nghĩa là các kiến và sở y uẩn trước chấp làm thanh tịnh giải thoát xuất ly. Đối Pháp quyển 1 ghi: Đối với các giới và giới cấm sở y năm thủ uẩn v.v... tùy theo quán chấp làm thanh tịnh, làm giải thoát xuất ly. Luận Ngũ Uẩn rất đồng, Du-già quyển 8 đại ý đồng luận Hiển Dương.

Luận: Nếu không như vậy vì sao chẳng phải diệt chấp diệt v.v...

Xét quyển 58 ghi: Lại các Sa-môn nói luận hiện pháp Niết-bàn tất cả tà kiến, lại có người hoành chấp các tà giải thoát chỗ có tà kiến, các chấp như vậy là mê diệt để phát khởi tà kiến. Lại nói, ngoại đạo kia khởi chấp như vậy: sở hành của ngã v.v... hoặc hành hoặc đạo là chân hành đạo có thể hết, có thể ra khỏi tất cả khổ, như vậy cũng gọi là mê đạo tà kiến, chẳng phải pháp Niết-bàn chấp là Niết-bàn, gọi là phi thắng chấp thắng, chẳng phải Vô lậu đạo thật, chẳng phải lìa khổ, chấp làm chân đạo có thể ra khỏi khổ gọi là phi tịnh chấp tịnh,

Luận: Các tông biệt như vậy, giải thích như trong số, Nghĩa Đăng. Nay thêm một giải thích nói tham v.v... sáu pháp gọi đó là tông. Ác kiến khai ra năm gọi đó là biệt, nay nói cả hai, gọi là tông biệt mười phiền não. Hoặc có thể, số nói hoặc tông hoặc biệt ý cũng đồng với đây.

Sớ: “Nghĩa là phải không trái” đến “ngã chẳng thường”.

Mượn phát khởi vấn hỏi sinh dẫn giáo và văn thế sự ở sau.

Luận: Người học hiện quán khởi các sợ sệt như vậy v.v...

Quyển 86, Đối Pháp quyển 7, văn của hai luận này nói. Luận Du-già ghi: Lại do hai duyên y chỉ dục vô ngã thắng giải, ở Niết-bàn đó do kinh sợ nên tâm ấy lui sụt. Một là do đối với dục này không khéo tập quen, chưa đến cứu cánh. Hai là khi tác ý do nhân duyên ấy niệm quên mất, đương lúc như vậy ở trong các hành chỉ có hành trí, tâm ấy ngu muội, thường thường tư duy, ngã của ta lúc bấy giờ phải ở chỗ nào, tìm cầu ngã hành vi tế, câu hành chướng ngại mà chuyển. Do duyên này nên khởi suy nghĩ như vậy: ta sẽ không có, không khởi niệm này chỉ có các hành đương lai không có. Nó do như vậy tùy theo thân kiến làm chỗ y chỉ, phát sinh thức biến dịch tùy thức. Do nương sợ cho nên đối với tịch diệt tâm ấy lui sụt.

Giải thích: Tuy biết rõ chỉ có các hành vô ngã, do tâm duyên hành còn muội liệt, thường thường tư duy ngã ở chỗ nào, tức suy nghĩ tâm ta có thể làm chướng ngại, lại chấp ngã không, lại không có niệm nghĩ chỉ có các hành, cho nên đối với Niết-bàn mà sinh kinh sợ. Luận Đối Pháp ghi: Câu sinh biên kiến là thuộc về đoạn kiến, do kiến này nên đối với cõi Niết-bàn tâm ấy lưu chuyển sinh khiếp sợ lớn, cho rằng ngã của ta

hiện giờ ở đâu?

Nhưng số nói trong quyển 88 có hai nghĩa: một là nhằm sáu thành tám, hai là nêu tám đồng với sáu. Sáu chính là sở dẫn, trong tám cũng có văn đoạn kiến, nên nói cả hai, tổng nêu chánh hiển mà không nói sáu.

Hỏi: Dẫn chứng câu sinh, Đối Pháp có thể như vậy, luận Du-già thì như thế nào?

Đáp: Văn của quyển 88 như trong Nghĩa Đăng đã giải thích.

Hỏi: Quyển 86 cũng nói câu sinh, làm sao để rõ?

Đáp: Luận nói tìm câu ngã hành vi tế câu hành. Lại nói, do ngã như vậy tùy theo thân kiến làm y chỉ nên biết là câu sinh, hoặc thông cả hai kiến, tìm văn thì có thể rõ.

Hỏi: Hai luận câu sinh là phạm thánh khởi chướng?

Đáp: Chung cả thông phạm thánh.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao quyển 86 ghi: “Lại nữa vì đoạn kinh sợ như vậy, có hai loại pháp, có nhiều sở tác”, hẳn đến nói “nếu đã dẫn phát Thánh đế hiện quán, do chánh kiến nên mới được xuất ly”. Trong Đối Pháp lại ghi: “Nay ngã của ta ở chỗ nào”, chuẩn theo luận Du-già này, chỉ có phạm khởi, Đối Pháp chỉ có bậc Thánh?

Đáp: Trong Du-già và lại căn cứ đoạn phạm khởi, hoặc tổng đoạn phạm thánh kia khởi, Thánh đế hiện quán lời này được thông. Lại nói, do đối với dục này không khéo quen tập, chưa được rốt ráo mà khởi kinh sợ, tức Thánh hữu học cũng chưa rốt ráo, khởi cũng đâu có lỗi gì. Đối Pháp nói “nay ta ở đâu”, Phạm thánh khi khởi vô ngã giải đều được gọi là nay. Lại giải thích, luận Du-già căn cứ phạm, Đối Pháp đứng về Thánh, hai cách giải thích mặc tình lấy, lại nên suy nghĩ kỹ.

Luận: Mười phiền não này, có bao nhiêu loại tương ứng.

Các luận biện tương ứng này không đồng, nay lược dẫn. Quyển 55 ghi: Vô minh tương ứng tất cả, nghi đều không có, tham sân không tương ứng, đây hoặc cùng mạn kiến, nghĩa là khi nhiễm ái hoặc cống cao hoặc suy cầu, như nhiễm ái ghét giận cũng vậy. Mạn và kiến ngã lại tương ứng, nghĩa là khi cống cao, tà lại suy tìm. Quyển 58 ghi: Năm kiến là tuệ tánh nên không cùng tương ứng, tự tánh tự tánh vì không tương ứng. Tham, khuể, mạn, nghi lại trái nhau nên không cùng tương ứng. Tham nhiễm khiến tâm thấp hèn, ngã mạn khiến tâm cao ngạo, thế nên tham mạn lại trái nhau. Đối Pháp quyển 6 ghi: Tham không tương ứng với sân, thuần là trái nhau pháp ắt không đồng thời. Lại tham không tương ứng với nghi, do tuệ đối với cảnh không quyết định ắt không có

nhĩm trước, còn lại được tương ứng. Như tham sân cũng vậy, nghĩa là tham không cùng sân mạn kiến tương ứng, nếu đối việc này khởi giận ghét, tức không đối với nó sinh cao ngạo và suy cầu, các loại khác tương ứng như lý nên biết. Mạn không tương ứng với sân, nghi. Vô minh có hai là tương ứng và bất cộng, bất cộng không cùng sân nghi tương ứng, nghi không cùng tham mạn kiến tương ứng. Tổng hợp như luận và sơ này, ở đây không nói lại.

Luận: Nghi trái thuận v.v...

Khổ, tập do nhân y xứ này nên hữu tình nhĩm trước, nghi có không sân diệt đạo là chỗ sợ sệt ấy, nên hữu tình không ái, có nghi liền có khuể, nghi không trái với đây, lý chuẩn theo đây mà biết.

Luận: Đây cùng ba kiến hoặc được tương ứng v.v...

Có nghĩa phân biệt thân, biên hai kiến nhưng cùng sân đồng thời, do câu sinh chỉ có tánh Vô ký, sân chỉ có bất thiện nên chẳng phải đồng thời với nó. Luận nói, khổ uẩn chỉ ở nẻo thiện có khổ thọ đồng thời gọi là có khổ uẩn, trong sơ nói khổ lại thông hai kiến, điều này nhất định không đúng.

Biện rằng: Thoạt xem văn sơ, thật ra như vẫn còn, xét kỹ lý ấy, lý tức không trái.

Hỏi: Vì sao không trái lý?

Đáp: Chỗ có khổ tức gọi là khổ xứ, ai nói phải ở trong ba đường mới là khổ xứ? Lại ở sau môn hai kiến năm thọ đồng thời, sư thứ nhất tam đồ có phân biệt hoặc, nay y thuyết ấy cũng không trái nhau. Đây thông ở sau hiển bày luận này nói chỗ cực khổ thông, có phân biệt, câu sinh hai hoặc, cho nên chỉ như ở sau, chẳng phải nói câu sinh, phân biệt hai kiến đều cùng sân đồng thời, do khổ xứ này phân biệt hai kiến đồng thời với sân đều không ngăn ngại. Nếu không như vậy, lại do nghĩa gì mà nói như ở dưới?

Luận: Năm thức chỉ có ba v.v...

Hỏi: Xứng lượng, suy cầu năm thức không có, nói kiêu mạn không, thức thứ bảy lẽ ra như vậy?

Đáp: Xứng lượng giải thích mạn, thứ bảy đồng thứ năm không, mạn sinh nên Thức thứ bảy thừa nhận có. Nghĩa của kiến chuẩn theo đây mà biết.

Hỏi: Năm kiến đoạn hoặc, sáu dẫn đắc sinh, mạn v.v... do năm pháp khác lẽ ra cũng khởi chẳng?

Đáp: Hạnh không trái, trái cho nên khởi, không khởi.

Luận: “Tham sân si ba pháp” đến “năm thọ đồng thời”.

Trong quyển 59, phân biệt tham, lạc v.v... tương ứng riêng riêng tác pháp, tức luận này nói tham gặp nghịch duyên, sân gặp thuận cảnh lược đã nhiếp nó, còn lại chuẩn theo nên tìm, nên không dẫn ra.

Luận: Dục không có khổ v.v...

Có nghĩa lựa chọn luận Tát-bà-đa dục và nghi chỉ có ưu, cho nên Hiền Dương luận quyển 27 ghi: Vì sao hai nghi đều không quyết định mà trên được cùng hỷ lạc tương ứng? Chẳng phải Dục giới nghi cùng hỷ câu khởi, do các phiền não ở ly dục địa, tuy không quyết định cũng không ưu diệt, tuy tâm ôm lười nghi nhưng không có biếng nhác, như ở nhân gian cầu được sở ái, tuy nhiều mệt nhọc mà sinh tưởng ưa thích. Sở nói cõi trên không có dục nghi có hỷ thọ, dục tự như không được, ý vẫn ở đây địa trên vì sao không cùng hỷ đồng thời?

Biện rằng: Ý sở nói nghi không có quả khổ mới cùng hỷ đồng thời, trên không có nghi này, do trên không tạo ác hành ấy, nên si khổ không mới có hỷ đồng thời. Hễ trong Dục giới không chướng cõi thì si mới được đồng thời với hỷ. Trong tướng thô ở sau sở nói cõi trên si có hỷ. Tự nghĩa đã lập tha chấp liền ngăn, không nói thành. Đây tự được bản ý trong sở, chẳng phải sở không được ý của luận.

Luận: “Hai thủ” đến “ưu tương ứng”.

Quyển 59 ghi: Kiến thủ, giới thủ lấy kiến ấy, tùy theo sở ứng kia như tương ứng ấy, như thân biên hai kiến tương ứng trở xuống thọ mà nói.

Luận: Đây y thật nghĩa.

Hỏi: Sở y giáo nào? Vì sao cần có thô tế hai thuyết?

Đáp: Nói một cách gãy gọn gọi là thật nghĩa, tức quyển 59, nói một cách thẳng thắn gọi là tướng thô, tức quyển 58, Đối Pháp quyển 7. Cho nên quyển 59 tổng kết mười phiền não thọ tương ứng rằng: Trước biện phiền não, các căn tương ứng, chỉ đứng về đạo lý tướng thô mà kiến lập, khiến ban đầu hành giả hiểu không loạn, nay tức đứng về đạo lý thô tế kiến lập, khiến hành giả rõ tự thân tha thân các thứ hành giải sai biệt chuyển.

Luận: Tham si đồng thời với lạc v.v...

Trong Đối Pháp có nói đủ, đại ý trong sở nêu lại đã xong, nhưng nói rõ ý thức xả tương ứng rằng, ở ý thức thân xả tương ứng, ở tất cả chỗ tương tục chưa có vị.

Giải thích: Do lạc, hỷ, xả thông Thức thứ sáu, sáu thức lạc hỷ khi chưa có vị nhưng cũng có xả, nên nói tất cả chưa có vị v.v... Lại nói, si ở Dục giới chẳng phải hỷ tương ứng, tâm không quyết định nếu chưa dứt

diệt thì hỷ không sinh. Lại nói, vì sao phiền não đều tương ứng với xả? Do trong tất cả tùy phiền não vị trung dung mới dứt hết, vì sao? Vì phiền não sinh khởi lần lượt tương tục lần lần nhẹ mỏng, thế lực sắp hết, tùy vị trong xứ, đối với vị này ắt xả tương ứng.

Luận: Phải biết câu sinh thân biên hai kiến v.v...

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Xét trong quyển 58 ghi: Lại nữa câu sinh Tát-ca-da-kiến chỉ có tánh Vô ký, vì thường hiện hành, chẳng phải cực tổn não tự tha xứ, tuy luận không nói câu sinh biên kiến, lý đồng ngã kiến cũng là tánh Vô ký.

Sớ: “Nếu như ở giải thích sau” đến “thể có chín phẩm”.

Ở đây có hai ý:

1. Hiện sau là sai, như sắc giới v.v... phiền não Vô ký, thể có chín phẩm, chín phẩm đoạn riêng, ngã kiến có chín phẩm vì sao trừ một phẩm? Đã trừ một phẩm rõ ràng không có chín loại.

2. Nói sau là đúng, như cõi trên mê hoặc thể tuy Vô ký, có được chín phẩm, ngã kiến chín phẩm cũng đâu trái nhau? Lại nay số xác quyết lại tùy theo một tướng, văn trên dưới trong số đều lấy chín phẩm làm loại thuyết.

Sớ: “Không có nhiễm ô” đến “mới tự tại”.

Ắt không có dục nhiễm, phẩm thứ chín còn, có thể nhập căn bản khởi Vị chí hoặc, cần phải dục nhiễm hết mới vào căn bản định, mới chấp nhận khởi Vị chí hoặc kia.

Sớ: “Do đây” đến “cũng không thể khởi”.

Không thể khởi Vị chí định hoặc kia.

Hỏi: Đắc căn bản định rồi, Vị chí định hoặc là thật khởi chăng?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Thừa nhận được khởi, nếu vậy vì sao quyển 62 các pháp địa dưới hoặc sinh ở địa trên không hiện ở trước? Đáp: Địa khác thì không như vậy, đồng địa chấp nhận khởi, Vị chí cũng là sơ thiền nhiếp, lại địa sau thân được sơ căn bản khởi Vị chí hoặc cũng lại không trái.

2. Không được khởi, không có những điều cần, được thắng xả liệt, nếu vậy rốt ráo không có nghĩa khởi cần gì Hữu vi? Đáp: Như ba cõi Vô sắc có được kiến đạo Vô lậu thứ tám, chín địa khác thì có, tuy không có nghĩa khởi địa pháp vẫn được có, điều này lẽ ra cũng như vậy, mặc tình lấy bỏ, nhưng phần nhiều thừa nhận khởi

Sớ: Chỉ có định chẳng phải sinh phiền não v.v...

Khi nhuận sinh khởi gọi là sinh phiền não, hoặc sinh địa ấy đã

khởi cũng gọi là sinh hoặc, chẳng phải nay nói, trừ các thời này duyên định khởi đều gọi là định sinh, như biến thường kiến, nhân định sau đó mới khởi gọi là định phiền não, còn lại chuẩn theo đây để biết. Nhưng số nói như biến thường, mới xem qua giống như chứng sinh phiền não, nhưng lý là chứng định hoặc.

Luận: Các Hữu lậu đạo tuy không thể phục phân biệt hoặc v.v...

Hỏi: Ở sau quyển 9 ghi: Tư lương Gia hạnh có thể phục phân biệt, hai vị lẽ nào chẳng phải Hữu lậu đạo?

Đáp: Sau đứng về Bồ-tát, nay căn cứ nơi Nhị thừa và ngoại đạo v.v... có nghĩa có hai giải thích: một là nghĩa đồng với trước, hai là sau căn cứ lý quán. Nay y theo sự quán Hữu lậu sáu hành gọi là sự quán quán vô ngã v.v... gọi là lý quán. Lại phân biệt hoặc có mê sự, thể đạo cũng phục, vì hay chướng định. Luận đứng về mê lý mà nói không phục, nếu không phục thì câu sinh phải như vậy, vì là câu mê sự. Nếu chấp sự hoặc chấp lý hoặc dẫn cho nên không phục, nên tu sự hoặc tu lý hoặc dẫn đồng nó không phục. Lại thấy sự hoặc tán loạn thô động vượt hơn câu sinh, chướng định lẽ ra thù thắng, vì sao không phục? Nên biết luận lại căn cứ mê lý mà nói không phục.

Biện rằng: Lý sợ chưa hẳn như vậy, tu hoặc làm ví dụ có lỗi tương phù, cho nên luận Du-già quyển 58 ghi: Nếu các dị sinh lia dục cõi Dục hoặc sắc giới, chỉ do tu đạo không có kiến đạo, ở cõi Dục khi được ly dục, tham dục sân giận, và tùy pháp ấy lân cận kiêu mạn, nếu các phiền não tương ứng vô minh, không hiện hành cho nên đều gọi là đoạn. Chỉ có nói các pháp tham lân cận dị sinh, không nói chấp các pháp lân cận cũng năng đoạn. Cho nên biết thể đạo không thể phục mê lý ấy dẫn tất cả sự hoặc, nếu không như vậy ý nào Du-già không nói? Tu đạo đã như vậy kiến hoặc nhất định như vậy, lẽ nào không tương phù? Nhưng hãy xét rõ văn.

Sớ: Nay giải thích cũng đoạn.

Có nghĩa vặn hỏi rằng: Chưa phục nói đoạn. Người thứ lớp ở kiến đạo lẽ ra cũng đoạn nó, cũng không thể nói trước phục trợ bạn. Luận nói câu sinh vi tế khó đoạn, vị tu đạo mới trừ, nói kiến đạo trừ lý ấy chưa được, do vi tế ấy không chướng kiến đạo mà tự chống chế rằng: người thứ lớp đạo y Vị chí, do đạo liệt cho nên không thể đoạn tu, người siêu việt căn bản nhập, nói tùy sở phục đều có thể đoạn hẳn.

Biện rằng: Nếu lấy Vị chí để giải thích vặn hỏi sợ chưa trừ, thứ lớp không trở lại năng y Vị chí đoạn tu hoặc. Nếu nói ngã y kiến đạo, Bồ-tát kiến đạo y căn bản định lẽ ra cũng đoạn tu. Nếu nói chỉ căn cứ

tiểu Thánh, vượt qua hàng sơ quả, sáu phẩm dục hoặc lẽ ra không thể đoạn trừ, vì y Vị chí. Nếu nói từng phục cho nên năng đoạn, đây tức do phục không phục có khác. Vì sao thiếu căn bản. Vị chí y biệt? Do đây phục kiến đạo nào có lỗi. Luận nói, tu trừ căn cứ thứ lớp, nhưng y định nêu bày lý ấy cũng thông, căn cứ bạn để nói là thù thắng, suy nghĩ có thể biết.

Sớ: “Nếu vậy kiến hoặc” đến “là khởi, không khởi”.

Trong Nghĩa Đăng quyển 6, tâm tướng khởi nêu bày có hai giải thích. Nay xét luận Du-già quyển 58 lẽ ra thừa nhận được khởi, cho nên luận ấy ghi: Do các hoặc ấy trụ ở trong thân này, từ định mà khởi có khi hiện hành, chẳng phải sinh cõi trên nó lại hiện khởi.

Giải thích: Hoặc chưa đoạn kiến đạo trước kia, thân ở địa dưới mà được khởi, nếu sinh địa trên, thì kiến hoặc địa dưới không khởi. Chuẩn theo ý văn này thừa nhận khởi, nên khéo suy nghĩ lại.

Luận: Sinh định thứ tư trong Trung hữu.

Đây là văn kinh. Luận của Đại thừa Tiểu thừa giải thích sai khác. Kinh bộ, Đại thừa thừa nhận Trung hữu cõi trời có chuyển sinh địa ngục, Hữu tông thì không như vậy. Cho nên Đối Pháp ghi: Hoặc có khi dời chuyển, nghĩa là ở vị này thường sinh ở các chỗ duyên mạnh hiện tiền, như được Tĩnh lực thứ tư khởi A-la-hán tăng thượng mạn Tỳ-kheo, khi Trung hữu sinh trong địa ấy, do phỉ báng giải thoát tà kiến, chuyển sinh địa ngục.

Sư Kinh bộ trong luận Bà-sa ghi: Thí dụ là nói Trung hữu có thể chuyển, do tất cả nghiệp đều có thể chuyển. Hữu Tông chấp, như luận Bà-sa quyển 69 ghi: Hỏi: Nếu trung hữu đối với cõi không chuyển, không nghe việc Bí-sô vì sao thông? Ở trong Phật pháp vừa xuất gia xong, tu định thế tục, lúc sơ Tĩnh lực cho là được sơ quả, nhẫn đến thứ tư nói được A-la-hán, khởi tăng thượng mạn chưa được nói được. Lúc nó mạng chung Tĩnh lực thứ tư Trung hữu hiện tiền, lại khởi niệm như vậy: tất cả ràng buộc ta đã dứt hết nên nấp Niết-bàn, không còn sinh xứ, vì sao có Trung hữu này hiện tiền? Bèn khởi tà kiến bác không giải thoát, do sức phỉ báng kiến kia nên Trung hữu diệt, Trung hữu vô gián địa ngục hiện tiền, sinh trong ngục vô gián? Đáp: Lúc trụ bản hữu có dời chuyển này, chẳng phải vị Trung hữu, nói ní sắp chết do thế lực của nghiệp Tĩnh lực thứ tư sinh tướng hiện tiền nên khởi tà kiến sinh ngục vô gián

Luận: Nhưng nói sinh lên trên, không khởi xuống v.v...

Xét luận Du-già quyển 58 ghi: Các phiền não ràng buộc chưa lìa

dục tự địa phiến não là tự địa hiện khởi, đã lia dục tức không hiện khởi, nếu ở địa dưới địa trên các trói buộc cũng được thành tựu, chẳng phải ở địa trên được nói thành tựu các trói buộc địa dưới.

Lại quyển 62 ghi: Các pháp địa dưới hoặc sinh địa trên không hiện ở trước. Các pháp địa trên nếu sinh địa dưới, lia dục ấy là hoặc hiện ở trước, có trái với văn này nên luận thông.

Hỏi: Nói nhiều phần là căn cứ thời mà nói hay đứng về hoặc số?

Đáp: Lý bao gồm ở hai.

Hỏi: Thời thì làm sao như vậy? Nếu đứng về hoặc mà nói, vì sao trước nói chấp nhận hiện tiền, lại có bao nhiêu loại không khởi?

Đáp: Khởi thông kiến tu gọi là đều, khởi số tăng giảm, lược có ba loại:

1. Khởi ba: Nghĩa là tà kiến, tham và vô minh.
2. Khởi sáu: Như trong số đã nói.
3. Khởi mười.

Nên luận nói các hoặc, phân biệt, câu sinh của địa dưới đều chấp nhận hiện khởi. Có nghĩa xác quyết rằng đối với thứ hai nói vậy, lại suy cầu khởi năm thù thắng, trừ một ngã kiến, không thấy thế gian chấp địa pháp khác cho là ngã, cho nên phân biệt kiến chẳng phải duyên địa khác, sắc của xứ đương sinh vẫn còn chưa khởi, ái của nhuận sinh duyên xứ đương sinh, tăng thượng quả sinh, đã chỉ có mê sự, cũng không thể nói cùng lý hoặc đồng thời.

Biện rằng: Nhuận sinh ngã kiến căn cứ tổng duyên mà nói. Lại nhuận sinh này chẳng phải một sát-na, lý sự hai hoặc, trước sau gián đoạn khởi, nhưng nói nhuận sinh mê tăng thượng quả, căn cứ vị chánh nhuận của cảnh ái ấy mà nói, lý lẽ ra không lỗi. Trong Xu Yếu, Nghĩa Đăng có ý này, cho nên năm sáu giải thích mặc tình lấy bỏ.

Luận: Phiến não địa dưới cũng duyên địa trên v.v...

Xét luận Du-già quyển 58 ghi: Mười loại phiến não đã nói như vậy, cũng duyên sự chuyển, cũng duyên phiến não, phiến não địa dưới năng duyên phiến não và sự địa trên. Quyển 62 nói ái duyên trên, như Xu Yếu dẫn.

Luận: “Nhưng có chỗ nói” đến “hoặc y duyên riêng v.v...”.

Xét trong Tập luận ghi: Dục giới phiến não trừ vô minh, kiến, nghi, còn lại không thể duyên địa trên làm cảnh. Các vô minh này tuy cũng có thể duyên địa trên, nhưng nó không thể thân gần năng duyên địa trên. Tập Tập giải thích, nói vô minh duyên địa trên, nghĩa là cùng các kiến tương ứng. Kiến là trừ Tát-ca-da-kiến, không thấy thế gian

duyên các pháp địa khác chấp làm ngã. Lại luận Du-già quyển 58 ghi: Chẳng phải hoặc địa trên hay duyên phiền não và sự địa dưới.

Sớ: Trong này nêu biên kiến đồng với ngã kiến vì ắt nương khởi.

Do toàn thường kiến được duyên địa khác, ví dụ ngã kiến ấy cũng được duyên khác, không có biên kiến không y ngã kiến, biên kiến duyên tha, ngã kiến cũng vậy.

Sớ: Chấp Dục giới văn tư xưa khởi.

Có nghĩa xác quyết rằng văn tư Dục giới đã chẳng phải ba kiến và giới sở khởi, vì sao hai thủ nói duyên địa dưới, cho nên không duyên lấy đó là thù thắng.

Biện rằng: Ý nói hai thủ nhớ giới sau, nhân văn tư khởi hai thủ sở hữu gọi là duyên địa dưới, không nói văn tư là hai thủ sở chấp kiến giới. Còn các vấn hỏi khác như Nghĩa Đăng giải thích.

Luận: Phân biệt khởi chỉ có kiến sở đoạn v.v...

Đối Pháp quyển 4 cũng đồng với đây, nên luận ấy ghi: Phân biệt sở khởi nhiễm ô kiến, nghi, kiến xứ, nghi xứ là kiến sở đoạn. Trong Tập Tập giải thích rằng: Kiến xứ nghĩa là các kiến tương ưng cộng hữu pháp và chủng tử, nghi xứ cũng vậy.

Luận: Kiến sở đoạn mười thật đồng thời đốn đoạn v.v...

Xét luận Du-già quyển 59 ghi: Kiến đoạn phiền não đốn đoạn chẳng phải tiệm, vì sao? Do vì hiện quán trí đế hiện quán, năng đoạn kiến đạo sở đoạn phiền não, nhưng hiện quán này và hoại duyên đế tác ý tương ưng, thế nên ba tâm đốn đoạn tất cả mê khổ đế các kiến đoạn phiền não.

Giải thích: Tổng duyên bốn đế cộng tương tác ý gọi là hoại duyên đế, biến duyên các đế khởi vô ngã quán mới có thể đoạn hoại.

Hỏi: Vô phân biệt trí lẽ nào có duyên tổng các hành vô ngã?

Đáp: Giải thích như trong sớ. Lại có thuyết giải thích, căn cứ cộng tương phương tiện sở dẫn, gọi là duyên các đế, tác quán vô ngã, chẳng phải chân kiến đạo có hành tướng này.

Sớ: Như hoại niệm trụ.

Hoại còn xen tạp, thân thọ tâm pháp, hai ba bốn pháp hợp thành đế quán gọi là hoại niệm trụ.

Sớ: Đối Pháp quyển 7 v.v...

Xét luận ấy ghi: Lại mười phiền não đều mê khổ tập khởi các tà hành, là nhân duyên và sở y xứ ấy, vì sao? Khổ tập hai đế đều là mười loại nhân duyên phiền não, lại là y xứ, thế nên tất cả mê nhân duyên và y xứ này khởi các tà hành. Lại mười phiền não đều mê diệt đạo

khởi các tà hành, do vì năng sinh này sợ sệt các pháp ấy, vì sao? Do sức phiền não ưa chấp sinh tử, đối với pháp thanh tịnh khởi tưởng pháp phồng sinh quá sợ sệt. Lại các ngoại đạo đối với diệt đạo để vọng khởi các thứ phân biệt điên đảo, thế nên mười hoặc đều mê diệt đạo khởi các tà hành.

Sớ: Phiền não ấy khởi đều đủ hai duyên này.

Nhân y và sợ sệt là hai duyên.

Sớ: Chấp thấy các giới quyền thuộc.

Xét quyển 58 ghi: Nếu tùy thuận thấy giới cấm sở thọ của các pháp này, lấy làm Đệ nhất năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly, là mê tập để giới cấm thủ.

Luận: Riêng nghĩa là riêng mê v.v...

Có nghĩa hỏi: Kiến tu đạo hoặc một trăm hai mươi tám y đầu mà nói? Có thuyết nói y mê riêng nói, do tổng mê là thể đã là một, không thể riêng ghi bốn đế khác y tướng thô mà nói. Tùy chuyển lý môn nói thân kiến, biên kiến chỉ có mê khổ đế, uyển chuyển mà nói là cũng mê ba đế, tuy không đích thân mê, duyên ba đế hoặc làm ngã ngã sở và đoạn thường. Hoặc có thể, đây y tổng mê mà nói, thể tuy là một, tuy theo chỗ mê cảnh bốn đế cũng sai khác, nên không có lỗi. Nhưng trong sớ nói chỉ y nơi số tổng duyên riêng mà nói, nghĩa này không đúng. Nếu duyên riêng là số ấy cũng riêng, số ấy tổng là duyên cũng chẳng phải riêng, đã không có số tổng mà duyên riêng, vì sao căn cứ luận ở đây để rõ số ấy? Lại trong sớ ghi: Đối Pháp quyển 7, Du-già quyển 8 đứng về tổng mê để nói mười bốn mê, quyển 58 đứng về riêng mê để, cả hai chỉ có mê khổ, tám thông bốn mê, một trăm hai mươi tám tức là Đối Pháp, Du-già quyển 78 nói, vì sao nói đứng về duyên riêng nói có số như vậy? Cho nên văn sở lập tự trái nhau.

Biện rằng: Nếu thừa nhận mê riêng dùng là chính. Đã nói mê riêng làm căn cứ số chung hành riêng gọi là riêng, vì căn cứ số hành đều riêng gọi là riêng. Nếu số chung hành riêng tức đồng với số đã nói. Vì sao lấy xả ái tăng không đồng? Nếu số hành riêng một trăm hai mươi tám số vì sao được có? Lại cần gì nói uyển chuyển tướng thô? Nếu nói đứng về chung cũng không có lỗi, lẽ nào là hai ba hợp duyên chẳng phải chung ư? Nếu là tổng thì một trăm hai mươi tám số cũng có tăng giảm, nếu chẳng phải là chung nên thuộc về riêng, tức trước riêng mê một trăm hai mươi tám số lại tăng giảm, tấn thối có trái, vì sao xác quyết riêng chung không có lỗi? Lại nếu nói riêng y mười mỗi mỗi đều duyên riêng để nói, tổng đứng về mười thông duyên bốn đế, không cần

cứ tự các chung riêng nói, lý cũng không đúng. Giải thích trước cùng số rốt ráo có khác gì? Sau nói số ấy chỉ là giả lập, bỏ thật lấy giả cũng chưa thể được. Lại trong ghi: Lý cũng chưa được, lại để mỗi mười mười, số lẽ nào chẳng phải chung? Điều duyên tự để vì sao chẳng phải hành riêng? Cho nên Đối Pháp nói, Dục giới thấy khổ sở đoạn có đủ mười phiền não, như kiến sở đoạn, tập diệt đạo sở đoạn cũng vậy, đây nói để chứng minh, vì sao phá nói không có số chung mà duyên riêng ư? Lại phá tổng hợp trái cũng không được ý. Nói Đối Pháp v.v... là đứng về mê chung là số chung gọi là chung, trong quyển 58 căn cứ mê riêng là số riêng gọi là riêng, do đây mà nói mâu thuẫn đâu có uống chấp bác bỏ các nghĩa còn lại như Nghĩa Đăng giải thích.

Luận: Hai thủ chấp nó.

Các dụng này duyên ba kiến đồng khởi, đứng về khổ tập, lý có ngăn cách nên gọi đó là thừa xa, là chú trọng duyên hoặc.

Sớ: Tức bốn kiến khác và nghi không có pháp chấp v.v...

Nghi cùng bốn kiến ngã kiến không đồng thời, ông nói ngã kiến nhiếp pháp chấp hết, tức bốn kiến, nghi lại không có pháp chấp lại thành lỗi lớn, lẽ nào có phiền não không y pháp chấp mà được khởi ư?

Sớ: Nếu trừ ngoài ảnh v.v...

Có nghĩa nói, nay không y nơi này, ngoài ảnh gá nương chưa hẳn đồng thời, như trước nghe có quá khứ, vị lai gọi là sau mới duyên, vì tâm sau sinh không có danh tướng. Lại lựa chọn các cảnh không có tên, giả sử xa mượn danh nhưng có thể thừa nhận gọi là tăng thượng duyên, làm sao thành bản chất? Đồng thời phát ảnh gọi là chất, trước tâm duyên danh, tùy danh phân biệt, tâm sau duyên nghĩa ảnh tượng mới sinh, năng thuyên sở thuyên đều không tương tự, lẽ nào được gọi là hậu nghĩa chất? Nên biết ảnh tượng cũng có chất hoàn toàn không gá nương, nếu không như vậy lại trái với quyển 1 ở trước nói uẩn ngoài tự tâm hoặc có hoặc không.

Biện rằng: Sở này hỏi ý đáp lựa chọn Hữu tông, Hữu tông tâm sinh không đâu mà không nương chất, dù duyên hoa đốm trong hư không, lông rùa sừng hổ cũng dùng tên làm chất sinh khởi. Dù cho lựa chọn, do các tên ấy là tâm năng duyên, xa gần nương gá tương tự với chân thật. Nói tức không không có bản chất, chẳng phải thừa nhận các tên đồng thật các trần thể bản chất nói không là không? Vì sao được dùng thật chất làm vấn hỏi? Lại năng thuyên sở thuyên hổ tương không tương tự v.v... điều này cũng không đúng, lẽ nào là các chất, tướng đều tương tự ư? Như ngại, không ngại, lự, không lự v.v... chẳng phải một. Các vấn

hỏi khác chuẩn theo đây lỗi của đức có thể biết, không đợi phải nói.

Sớ: Nay trong duyên Vô lậu không được làm giải thích sau.

Lậu, Vô lậu duyên chất ảnh đều nói, nêu bày sự vô sự không chỉ có mong chất.

Sớ: Du-già nói mười phiền não v.v...

Đây là văn quyển 58.

Sớ: Diệt đạo Phật pháp rộng lớn v.v...

Phân biệt diệt đạo, duyên an lập đế. Phật pháp rộng lớn, duyên chẳng phải an lập Chân như làm cảnh.

Sớ: Đối Pháp quyển 5” đến “đồng văn đầu quyển 59”.

Có nghĩa sớ nói là đồng, nay giải thích có khác. Mạn kiến sáu pháp đồng, tham sân hai loại, văn quyển 59 từ nhiều phần cho nên chỉ nói hữu sự. Trong Đối Pháp tận lý, cùng kiến mạn đồng thời cũng gọi là vô sự, nhưng nghi một loại Du-già tận lý nói thông hai loại. Trong Đối Pháp đã nói kiến mạn đồng thời mới gọi là vô sự, nghi chẳng phải câu ấy không thông vô sự nên lý không tận, vô minh một loại hai luận không trái.

Biện rằng: Sớ bao quát các văn, khảo xét lý nó, lý văn thuận là nói không trái nhau, nếu văn sai lệch lấy ý chỉ để khế hội. Ban đầu quyển 59 văn có trái, do như trước đã khế hội. Đối Pháp quyển 5 lý cũng có thiếu, bàn lý đồng bất tận gọi là đồng, chẳng phải căn cứ văn ấy mỗi mỗi đồng. Lại như lý sở đoạn cũng còn thừa, trong Đối Pháp tham sân đâu được tận lý, tà kiến, kiến giới lễ nào chỉ có vô sự? Nói kiến tương ưng đều gọi là vô sự, vì sao chẳng phải là lỗi lớn? Lỗi thái quá còn thì lý tận ở đâu? Nếu nói căn cứ kiến vô sự mà nói, nếu vậy văn lẫn lộn vì sao gọi là tận lý? Do đây mà nói thì sớ không trái.

Luận: Thân sở duyên ấy tuy đều Hữu lậu.

Xét luận Đối Pháp quyển 6 ghi: Lại duyên Diệt đạo đế các phiền não, không thể thân duyên diệt đạo làm cảnh, do diệt đạo đế xuất thế gian trí và Hậu đắc trí nội sở chứng, chỉ là y vọng khởi phân biệt ấy nói là sở duyên, vì cảnh phân biệt sở chấp không lìa phân biệt.

Sớ: Cùng hữu sự duyên khác nhau, không thể làm ví dụ.

Ở đây có hai ý: một là thành hữu sự duyên giải thích thứ nhất, hai là thành Vô lậu ắt đứng về ảnh chất không được, do trong hữu sự duyên kia ban đầu giải thích cùng nêu bày.

Hỏi: Vì sao gọi là khác?

Đáp: Hữu sự duyên hoặc năng sở hai duyên nhưng đều là Hữu lậu, có nghĩa thuận nhau, nên căn cứ thẳng vào chất để nói, Vô lậu duyên

hoặc, năng sở hai duyên chỉ có trái không thuận, nên không chỉ có chất được duyên này.

Luận: “Duyên tự địa” đến “sở khởi gọi là cảnh”.

Tướng, danh, phân biệt cả ba gọi là sự. Sự y phân biệt mà sở khởi, y chủ thọ mà gọi. Diệt đạo v.v... gọi là y phân biệt khởi, y chủ đồng với trước làm cảnh nên biết. Cho nên luận Du-già quyển 58 ghi: Nếu duyên khổ tập sự cảnh tất cả các lậu, là duyên tà phân biệt sở khởi sự cảnh. Duyên diệt đạo cảnh và duyên không đồng phân giới cảnh tất cả các lậu, là duyên tự phân biệt sở khởi gọi là cảnh. Vì sao? Chẳng phải phiền não năng duyên này diệt đạo cũng không thể năng duyên không đồng phân giới, chẳng phải không có sở duyên.

Giải thích: Nói không thể duyên, là hiển bày chẳng tương tự, chẳng phải không có sở duyên, hiển bày tuy không tương tự nhưng nương gá ở danh, cũng lại duyên nó.

Luận: Chỉ là phần vị phiền não Đăng lưu tánh.

Hỏi: Mỗi phần vị nào là Đăng lưu nào?

Đáp: Xét luận Du-già quyển 58 ghi: Các tùy phiền não phải biết đều là phẩm loại phiền não, lại như phóng dật, là tất cả phẩm loại phiền não, vì sao? Lúc ở nhiễm ái phần nhiều sinh phóng dật, nhẫn đến lúc nghi cũng có phóng dật, tham chấp xan lận, kiêu mạn trạo cử v.v... đều là phẩm loại tham, đều là Đăng lưu tham. Phẫn hận, não, tật, hại v.v... là phẩm loại sân là Đăng lưu sân. Siểm, cuống là phẩm loại tà kiến, là Đăng lưu tà kiến. Phú là phẩm loại siểm, nên biết tức phẩm loại Đăng lưu ấy, các tùy phiền não là phẩm loại si là Đăng lưu si. Các luận không đồng như ở sau tùy theo văn số tự giải thích, nên không nói lại.

Luận: Hai mươi loại này, riêng có ba.

Có nghĩa phần v.v... mười loại chỉ có ý thức đồng thời gọi là tiểu. Vô tà v.v... cả hai thông sáu thức nên gọi là trung, trạo cử v.v... tám loại này có khắp bảy thức nên gọi là đại.

Biện rằng: Cũng có lý này, nhưng không có chỗ nương, lại y luận giải thích.

Luận: Năng chương không phần, cầm gậy là nghiệp.

Trong luận Hiển Dương quyển 1, hai mươi tùy hoặc đều đủ năm nghiệp, phần nghiệp có năm, năng chương không sân thành nghiệp, nhẫn đến tăng trưởng phần thành nghiệp.

Giải thích: Ba nghiệp ở giữa cùng bản hoặc đồng nên nói “nhẫn đến”, còn lại chuẩn theo đây nên biết, sau bỏ không nói.

Sớ: Nhân này bất định cũng không biến khắp.

Đị phẩm thiếu nó vì biến khắp vô tánh.

Luận: “Tập sự v.v...” đến “nhiều tùy phiền não”.

Xét luận Du-già quyển 58 cũng dẫn. Nếu trong Tập sự đức Thế Tôn trước nói các tùy phiền não rộng nói nhấn đến sâu, than, ưu, khổ theo nhiều nào v.v... Lại quyển 86 ghi: Tên khác của tham phiền não có mười lăm loại, si có bảy loại, đủ như luận kia nói.

Luận: Nghĩa là tên tùy phiền não cũng nhiếp phiền não.

Xét luận Đối Pháp quyển 7 ghi: Tùy phiền não là tất cả các tùy phiền não đều là tùy phiền não, có tùy phiền não chẳng phải phiền não, nghĩa là trừ phiền não còn nhiếp ô hành uẩn đã nhiếp tất cả tâm pháp, đây lại thế nào? Nghĩa là trừ tham v.v... sáu thứ phiền não, còn các nhiếp ô khác hành uẩn đã nhiếp phần... các tâm pháp. Lại tham sân si gọi là tùy phiền não tâm pháp, do tùy phiền não này tùy phiền não ở tâm, khiến không lìa nhiếp, khiến không giải thoát, khiến không đoạn chướng cũng gọi là tùy phiền não.

Sớ: Thú hưởng đến trước.

Xét luận ấy ghi: Nghĩa là thọ tăng-kỳ, hoặc lại người khác có các y phục, lợi dưỡng, hoặc thỉnh Tăng-kỳ và cùng người khác đều gọi là thú hưởng. Nếu các Bí-sô đối với việc như vậy đầu tiên đi trước nên gọi là thú hưởng đến trước.

Luận: Có nghĩa phần v.v... bốn pháp đồng thời trừ lạc.

Hỏi: Trong Na-lạc-ca mới có khổ thọ, vì sao nó có xan thông bốn thọ?

Đáp: Trong truyện có hai giải thích:

1. Tuy không có tài vật v.v... đối với tự khổ cụ cũng có xan.
2. Đối với pháp tự sở tri chấp nhận có xan.

Biện rằng: Giải thích trước hoàn toàn sai, ai đối với khổ cụ thấy luyến tiếc? Thứ hai lý thông. Xét trong Đại Bát-nhã Bồ-tát đối với họ dùng đạo Tam thừa giáo hóa hữu tình, rõ ràng thừa nhận nghe pháp, nên biết đối với pháp, xan cũng đâu có lỗi gì. Nay lại giải thích rằng: Chỉ nói xan pháp được khổ thọ đồng thời, chẳng phải nói có khổ đều có xan. Thuần khổ quý, súc khổ được xan đồng thời, không trái ý chỉ luận.

Sớ: “Chẳng phải nói bất cộng vô minh” đến “ác tuệ đồng thời”.

Bất cộng vô minh đã có không cùng ác kiến đồng thời, bất chánh tri của vị vô minh này nương đâu mà lập? Do đây nên biết, y vô minh mà lập bất chánh tri v.v... mới gọi là nhiếp khắp.

Sớ: Tụ vô minh này các pháp khác cùng với đây đồng thời.

Đây ngăn người ngoài vặn hỏi, ý người ngoài vặn hỏi rằng bất cộng vô minh ác tuệ không có, lẽ nào chỉ có một, cho nên nay đáp rằng tuy không có ác tuệ cùng các pháp đồng thời cũng không chỉ có mình nó.

Sớ: Tức đối với vô minh giả kiến lập.

Nghĩa này như trước luận quyển 4 phần cuối, trong tám biến nhiễm thì số Nghĩa Đăng giải thích đủ, tìm xem có thể rõ, đây không ghi lại.

Luận: Phạm đối với Thích tử khởi siểm cống.

Xét luận Bà-sa quyển 129 dẫn kinh ghi: Như Phật xưa ở trong thành Thất-la-phiệt rừng Thệ-đa, lúc bấy giờ có Bí-sô tên là Mã Thắng, là A-la-hán, khởi tư duy như vậy: “Các bốn đại chủng sẽ ở vị nào diệt hết không sót, phiền não ràng buộc vì muốn biết nên nhập thắng đấng trị”, liền dùng định tâm ở rừng Thệ-đa chết, ở tứ đại Thiên vương từ trong định xuất mà hỏi Thiên chúng ấy: Các bốn đại chủng sẽ ở vị nào diệt hết không sót? Thiên chúng đáp: Không biết. Như vậy Dục giới Lục dục thiên v.v... cứ thế tìm cầu, nhấn đến tìm khắp Tha hóa tự tại thiên. Mã Thắng lại khởi tâm suy tìm các chúng Phạm thiên, muốn đến Phạm thế lại nhập thắng định, lại dùng định tâm từ Tự tại cung chết, từ Phạm chúng thiên xuất định mà hỏi như trên. Phạm chúng đều nói: Chúng tôi không biết. Mã Thắng lại tìm đến Đại phạm, Tự tại, Tác giả, Hóa giả, Sinh giả, Dưỡng giả, là cha tất cả” nên biết có cống. Nói xong, dẫn ra ngoài chúng, siểm khúc hổ thẹn trở lại hỏi Phật, nên biết có cống.

Luận: “Nhưng phần v.v... mười” đến “mới được sinh”.

Có nghĩa giải thích riêng mười tên ở trước là hữu sự, chẳng phải là đại môn, trong số nói sai, Hữu lậu ở sau v.v..., mới là thứ mười ba.

Biện rằng: Nếu chẳng phải đại môn, đây thuộc môn nào? Nếu nói thuộc môn trước chỉ nói mê để thân sơ, nghĩa môn hoàn toàn sai khác đâu thuộc nó. Lại hữu sự v.v... tự là một nghĩa. Văn nghĩa hữu sự tự làm môn ấy, rốt cuộc trái lý nào mà không thừa nhận? Không nói mười biến nhiễm ở sau. Mười biến nhiễm, tâm bất thiện ở sau tùy theo chỗ biến ấy thông sự vô sự, dễ cho nên không nói, duyên Hữu lậu v.v... đã nói chuẩn theo trên nên không lập pháp, tức phần thứ hai nêu bày các môn.

Sớ: Kế đến chữ “năm” là nêu bày tên.

Thứ nhất chữ “nghĩa là” nêu tên cần có, cũng gọi là nêu tên.

Sớ: Là ngã ác biên tác.

Nói ngã biên là hiển bày tự chỉ mình, nhưng văn số ngược, nên

lẽ ra nói rằng: Ngã biên ác tác. Có bản giải thích, chữ “chỉ” viết nhầm thành chữ “thố”, nên luận Du-già quyển 11 ghi: Lại đối với việc nên làm, không nên làm, tùy theo thích ứng ấy hoặc đã từng làm, hoặc chưa từng làm tâm sinh hối hận rằng tại sao ta xưa nên làm, không nên làm, việc chẳng nên làm lại làm.

Luận: Như các cái triền khác.

Nói cái là xét trong Đối Pháp quyển 7 nói, hay khiến thiện phẩm không được hiển bày là nghĩa của cái, che lấp tâm kia ngăn các thiện phẩm khiến không lưu chuyển.

Hỏi: Đối với những vị nào chướng các thiện pháp?

Đáp: Đối với vị ưa thích xuất gia, giác chánh hành, chỉ cử xả, nghĩa là khi ưa thích xuất gia, tham dục cái là chướng, tham cầu thọ dụng cảnh giới bên ngoài, vì đối với nó không ưa thích. Lúc ở giác chánh hành, sân khuể cái là chướng, ở chỗ phạm học xứ đồng với người có hạnh thanh tịnh ngay khi phát giác, do tâm sân khuể không chánh học. Đối với hai vị chỉ cử thì hôn trầm, thù miên trạo cử, ác tác cái là chướng, như trước đã nói năng dẫn hôn trầm và tán loạn, ở vị xả nghi cái là chướng, xa lìa quyết định không thể xả. Trong sơ biện có khác chút ít, ý đồng ở đây.

Hỏi: Hôn trầm v.v... bốn pháp thành hai cái, ý ấy làm sao?

Đáp: Hôn trầm, thù miên hành tướng tương tự, thù miên lại làm hôn trầm cận duyên sinh các phiền não nên hợp thành cái. Luận Du-già quyển 11 ghi: Không có tánh kham nhậm gọi là hôn trầm, tâm mê mờ cực lược tánh gọi là thù miên, do hôn trầm này sinh các phiền não, tùy phiền não, không còn cận duyên như thù miên là trạo cử, ác tác sở khởi xứ, giả sử xứ không đồng do trạo cử não động, ác tác, tướng ưu biến tương tự nên hợp lập một cái, tức luận Du-già ghi: Trạo cử ác tác đều do thân thuộc, tâm tư, quốc độ, xưa đã trải qua sự việc mà khởi, nên tổng kết rằng, do trước trạo cử cùng chỗ ác tác này đồng nên hợp nói một cái. Xứ sở không đồng nhưng như tướng kia nương tựa não động, nay đây cũng lại là tướng ưu biến, thế nên cùng với nó tạp nói một cái.

Hỏi: Chỉ, cử, xả hành tướng thế nào?

Đáp: Xét Đại luận quyển 77 ghi: Nếu tâm trạo cử, hoặc sợ trạo cử, lúc này các pháp đáng nhằm chán tác ý, và tâm vô gián kia tác ý gọi là tướng của chỉ. Nếu tâm chìm đắm hoặc khi sợ chìm đắm, các pháp đáng thích tác ý và tâm tướng ấy tác ý gọi là tướng của cử. Nếu một bề dứt đạo, hoặc một bề quán đạo, hoặc lúc song vận chuyển đạo hai

tùy phiền não bị nhiễm ô, không có công dụng tác ý và tâm mặc tình chuyển, trong đó tất cả tác ý gọi là tướng xả.

Luận: Tùy phiền não và si phần.

Xét luận Du-già quyển 55 ghi: Tùy phiền não tự tánh nghĩa là phần đến ác tác, thù miên, tầm tứ. Lại nói, thù miên, ác tác là si phần nên đều là thế tục có.

Luận: Chẳng phải tư tuệ tướng trói buộc tánh nó.

Đủ như sơ ấy biện. Lại nói, hoặc thù miên kia lẽ ra đều nên nói trong nhiễm không nhiễm tùy theo một nhiếp. Hoặc nói nhân trước tự tùy theo một pháp không thành, tự nói chẳng phải là tư tuệ tướng. Nếu nói nhân sau hữu pháp làm nhân là trái với lý môn.

Biện rằng: Xem trong số, nhiễm tịnh trước sau hai nhân thật không có lỗi. Lại hữu pháp trước không nói tư tuệ mà nói thẳng là thù miên, có thể như đã trách, trước đã nói nhiễm tư tuệ, sau nhân đó nêu lại cũng đâu có lỗi gì. Lại nếu nhân sau toàn lấy hữu pháp nên trái với lý môn, nay hữu pháp cùng nhân tăng giảm toàn có không đồng vì sao có trái luận? Nếu như nhiễm sở lập chẳng phải nhiễm nhân mới là chẳng phải ý của luận, như trong số nói lý thông văn thuận. Lại thù và hối đều có nhiễm tịnh, nhiễm tịnh khai riêng lại thành bốn lượng, trong số hợp nói hai.

Sớ: Tên không giống như Niết-bàn.

Nếu chỉ nói cảnh không đâu chẳng phải cảnh, nói tên duyên tên cảnh thì cảnh liền hạn cuộc, do tên không giống như Niết-bàn v.v... nay nói ý cảnh, ý cảnh bèn rộng, do trong ý chứng Chân như v.v...

Luận: “Hai pháp này đều lấy” đến “vì nghĩa loại sai biệt”.

Hỏi: Trong Đối Pháp quyển 1 ghi: Tầm y tư y tuệ, là đối với vị suy tìm không suy tìm, như thứ lớp ấy truy cầu hình tướng ý nói phân biệt. Tư y tư y tuệ là đối với vị suy tìm không suy tìm, như thứ lớp kia quán sát hành tướng, ý nói phân biệt. Như vậy hai loại an, bất an trụ sở y làm nghiệp, nay nói suy tìm sâu xa, suy tìm không sâu xa, lẽ nào không trái nhau?

Đáp: Hiểu như trong số, Nghĩa Đăng.

Sớ: Sở đối khác nhau.

Tầm tứ đứng về tướng giả thật đối nhau. Hối, miên căn cứ ở hình tướng chân tục, nên tuy tổng giả lập gọi là hữu khác nhau.

Sớ: “Nhưng sở đối khác nhau” đến “tất cả định giả”.

Tuy thật có tự thể, chẳng phải Thắng nghĩa nên được tên thế tục.

Luận: Y nơi tầm tứ có nhiễm ly nhiễm v.v...

Đây đồng với Du-già quyển 4 nói. Xét luận ấy ghi: Dục giới và Sắc giới sơ Tĩnh lự, trừ trung gian Tĩnh lự, hoặc định hoặc sinh gọi là Hữu tâm hữu tứ, tức trung gian Tĩnh lự, hoặc định hoặc sinh gọi là Vô tâm chỉ có tứ địa, tùy theo một hữu tình do tu đây cho nên được làm Đại phạm. Từ Tĩnh lự thứ hai, hữu sắc giới và vô sắc giới khác đều gọi là Vô tâm vô tứ địa. Trong này do lìa tâm tứ dục đạo lý gọi là Vô tâm vô tứ địa, không do đâu mà không hiện hành, vì sao? Chưa lìa dục của Dục giới, do tác ý dạy dẫn dắt sai biệt, ở một thời gian cũng có Vô tâm vô tứ ý hiện hành, đã lìa tâm tứ dục cũng có tâm tứ hiện hành, như xuất định ấy và sinh cõi ấy. Nếu cõi Vô lậu Hữu vi định nhiếp sơ Tĩnh lự cũng gọi là Hữu tâm hữu tứ địa, y tâm tứ xứ pháp duyên Chân như làm cảnh, vào định này nên không do phân biệt hiện hành. Còn lại như trước đã nói.

Luận: Luận nói năm thức có tâm tứ.

Tức luận Du-già quyển 56. Trong đó có hỏi đáp, lời hỏi dẫn trong sơ, văn đáp nay dẫn rằng, do Hữu tâm hữu tứ chủng tử các thức tùy theo Vô tâm vô tứ Tam-ma-địa, từ Tam-ma-địa khởi rồi, đây được hiện tiền. Lại ở đây khởi thức hiện hành lại là Vô tâm vô tứ Tam-ma-địa, chủng tử đã tùy theo, thế nên địa này chẳng phải là một bề Vô tâm vô tứ, do hữu tình ấy đối với các tâm tứ, do tánh ly dục mà ly dục. Địa ấy tuy gọi là Vô tâm vô tứ, này lại hiện hành cũng không có lỗi. Chuẩn theo hỏi đáp này cho nên năm thức có tâm tứ.

Sớ: “Tuy không có tự tánh” đến “cũng có tâm tứ”.

Tuy không có văn nói tự tánh ấy là tâm tứ, nhưng luận Đối Pháp nói tự tánh ấy tức là hữu tướng. Hữu tướng Du-già nói là tâm tứ, do đây triển chuyển mà bàn, nên biết năm thức có tâm tứ.

Luận: Hiển bày phần nhiều do nó khởi.

Sớ có hai giải thích. Có nghĩa giải thích thứ hai kia rằng: Sớ nói sinh trên ất tâm tứ dẫn mới có thể khởi các thức ở sau như nhãn v.v..., lẽ nào khởi năm thức phải ý sau dẫn sinh? Địa dưới còn dùng định trên có thể dẫn ra năm thức, vì sao sinh trên mới khởi tâm tứ thức dẫn ở cõi dưới? Chưa hẳn tận lý, nhưng sắp khởi trên, các địa ý thức năng dẫn nhãn thức ở sau là thù thắng, như Đại Bồ-tát lẽ nào không thể dùng các địa tâm trên dẫn ở sau năm thức khởi? Cho nên quyển 56 nói, từ Vô tâm tứ Tam-ma-địa khởi rồi được hiện tiền này, không nói lại khởi tâm địa dưới. Luận này lại nương trước sau dẫn sinh mà nói, từ định khởi được hiện tiền này, lý thật ra từ Địa thứ tám trở đi Bồ-tát ở các địa tâm đủ năm thức, cho nên phần nhiều nói cũng còn sinh trên mà khởi dưới.

Biện rằng: Nếu thừa nhận ý trên dẫn nhãn dưới, hai định ý trên

tâm tứ không có, vì sao được nói hiển bày phần nhiều do nó khởi? Lại quyển 56 không nói xuất định liền khởi tâm dưới liền chứng tâm trên dẫn thức dưới. Sư thứ hai này căn cứ lý nào nói phần nhiều do nó khởi? Nếu nói địa dưới phần nhiều do nó khởi, đây không phải chống chế bản thông ở trên không kế hội cõi dưới. Nếu nói chỉ ngăn, số nói nhất định không chướng, có lúc thức sau dẫn. Nếu vậy vì sao dẫn “không khởi tâm dưới” trong quyển 56 lấy đó làm chứng? Bản kế hội văn ấy, phần nhiều do nó khởi, đã do nó chứng không do ở sau dẫn, vì sao mà có thể kế hội văn ấy ư? Lại lúc nào mà do nó khởi? Giả sử nói lúc khác vì không có nhân khác, lại nói sinh ở sau còn dụng định trên dẫn năm thức, dẫn năm thức nào? Nếu dẫn địa trên, lại bị tự hại trái lại chứng nghĩa khác, nếu dẫn thức sau, thức tự địa quán tập có thể như vậy, thân trên dẫn địa dưới đã không đồng đâu được cùng ví dụ. Lại ví dụ Bồ-tát cũng chưa hợp lý, nhưng khởi dưới có lỗi gì? Lẽ nào khởi thức dưới là đánh mất nghĩa tự tại? Sự trí của Như Lai không thân chứng lý, lẽ nào đánh mất nghĩa trí của Như Lai biến khắp? Lại sơ đối với chỗ tranh luận để rõ không nói tất cả, chưa thể dùng Bồ-tát làm ví dụ.

Sớ: Đây trái với trong định nghe tiếng v.v...

Biện rằng: Trong kinh Thâm Mật căn cứ tán phần nhiều mà nói, nên cũng không trái.

Luận: Hối chỉ chấp nhận cùng vô minh tương ứng.

Hỏi: Đồng thời vô minh này lẽ ra chỉ có bất cộng, bất cộng mê lý, đây mê hay không mê.

Đáp: Giả sử như vậy cũng đâu có trái.

Hỏi: Cả hai đều có lỗi, nếu không mê thì vì sao gọi là tương ứng?

Đáp: Vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Nếu nói mê nhưng nhân tà kiến dẫn sinh, nghĩa thân ở đâu?

Đáp: Trong truyện có ba giải thích:

1. Chỉ nói bất cộng có thân mê lý, chẳng phải đều thân mê.
2. Tuy sức tà kiến dẫn sinh, không duyên kiến khởi nên cũng thân mê.
3. Hối đồng thời vô minh cũng là phi chủ, do nhiệm hối này chẳng phải thuộc thân mê.

Xác quyết rằng, nhưng hối thân mê lý khéo chấp, nên nói bất cộng chẳng phải thân mê, tuy trái với văn luận, nhưng lý thuận nhau.

Biện rằng: Nhiệm hối là hối tu ở thiện, hối không làm ác, đây lẽ nào chẳng phải mê lý khổ để ư? Tuy lại tà kiến trước sau dẫn sinh

không duyên làm cảnh, thân mê cũng đâu có lỗi gì, vì không có văn ngăn.

Luận: Trong vị văn tư có hối miên.

Hỏi: Hối miên không có năm thức, vì sao được có văn?

Đáp: Có hai giải thích:

1. Duyên cảnh sở thọ, nghe nói pháp cũng được gọi là văn.

2. Miên chỉ có tư.

Trong văn tổng nêu chẳng phải hiển bày vị miên được gọi là văn, nay lấy giải thích trước.

Luận: Cũng chẳng phải như ưu thâm cầu giải thoát.

Ưu cầu giải thoát là căn Vô lậu, nên thông bất đoạn. Luận Đối Pháp quyển 11 ghi: Vị tri căn nghĩa là tín v.v... năm ý hỷ là ưu xả, Dĩ tri thể căn số cũng đồng.

Luận: Nếu đã đoạn nên chẳng phải thuộc sở đoạn.

Hỏi: Bất hoàn đoạn miên, vì sao chỉ có nói Vô học đoạn gọi là phi sở đoạn?

Đáp: Hết hoàn năng duyên trói buộc chưa hết nên không đồng Vô học.

Luận: “Chánh tư duy” đến “tìm cầu”.

Xét luận Hiển Dương quyển 2 nói là Vô lậu và tầm, tức luận ấy ghi: Hai là chánh tư duy, nghĩa là y chánh kiến cùng Vô lậu câu hành, ly dục tư duy, không sân giận tư duy, không hại tư duy, ở trong tu đạo tương tục tác ý tư duy các đế, cùng Vô lậu tác ý tương ưng khiến tâm thú nhập, cực thú nhập, tìm cầu cực tìm cầu.

Giải thích: Thú là hưởng, nhập là giải, tầm nghĩa là suy tìm. Thú và tầm này đều có mạnh yếu nên nói “cực”, các văn khác nên rõ.

Hỏi: Tứ vì sao không nhập bất chánh đạo?

Đáp: Chưa thấy văn của Đại thừa nói. Vả lại y Hữu tông, luận Bà-sa quyển 99 ghi: Tứ không có tướng ấy, cho nên không lập. Lại nữa, phần pháp Bồ-đề hành tướng nhanh mạnh, dụng của tứ kém liệt thế nên không lập. Lại nữa, dụng của tứ bị tầm ngăn che tổn hại, đối với cần chánh kiến dụng của tầm tăng thêm, nên tứ không lập phần pháp Bồ-đề. Luận Hiển Dương ghi: Tìm cầu cực tìm cầu, đây tức là tầm, thú nhập cực thú nhập đây tức là tứ, hai loại gọi chung là chánh tư duy, cùng Tiểu thừa sai biệt nên cũng không có lỗi. Lại trong Du-già quyển 29 ghi: Do sức tăng thượng của chánh kiến này khởi xuất ly, vô khuể vô hại phân biệt tư duy gọi là chánh tư duy, nếu tâm thú nhập vào các tầm tứ. Nó chỉ có tầm tứ, tướng trạng như vậy có tầm tứ, nếu tâm thú nhập

vào các ngôn luận.

Luận: Lại nói nó là nhân ngôn thuyết.

Trong luận Đối Pháp ghi: Chánh tư chỉ là chỉ dạy chi khác, như sở chứng này phương tiện an lập phát ra lời nói, tức trong Du-già nói nếu tâm thú nhập vào các ngôn luận cũng là nhân ngôn thuyết.

Sớ: Thập địa thứ nhất” đến “tâm Vô lậu”.

Hỏi: Luận ấy không nói chánh tư duy, căn cứ ở đâu nói có?

Đáp: Luận ấy lập lại tụng của người tịnh giác. Y luận Phạm bản gọi là tư duy, sở y Phạm văn nên không có lỗi.

Hỏi: Kinh nói tư duy, vì sao là chứng tâm thành Vô lậu?

Đáp: Nói tư duy là một trong Bát chánh đạo, thể tức là tâm, nên được làm chứng. Lại các chứng Bồ-tát như Giải Thoát Nguyệt thỉnh Kim Cương Tạng giải thích nghĩa Thập địa, chuẩn theo kinh Thập Địa khen ngợi đức của Bồ-tát. Kim Cương Tạng v.v... Địa thứ tám trở lên, thượng vị ý thức chỉ là Vô lậu. Giải thoát Nguyệt v.v... khen là Tịnh giác, Tịnh giác rõ biết thể chẳng phải Hữu lậu.

Sớ: “Hỏi đã dẫn Thập địa” đến “vì là nhân ngữ ngôn”.

Ý vận hỏi cho rằng, nói tư duy là bản kinh tụng, luận gia giải thích rằng: Vì sao chỉ có khen Tịnh giác? Vì Tịnh giác là nhân ngôn thuyết. Giác gọi là giác quán là ngôn hành của miệng, chuẩn theo văn luận ấy cũng được làm chứng vì sao không dẫn ra?

Sớ: Nên dẫn không đồng, lẽ ra nên nói là Tịnh tư duy.

Hiện bày luận gia nay chỉ dẫn bản kinh không dẫn luận thích, không dẫn ý luận biện đủ như trong Nghĩa Đăng.

Hỏi: Nếu dẫn bản kinh, kinh tụng không nói chánh tư duy là nhân ngôn ngữ, đâu được dẫn chứng làm nhân của thuyết?

Đáp: Văn tuy không nói lý ấy có thể, nên kinh tụng ghi: “Vì sao người Tịnh giác niệm trí công đức đủ, nói các thượng diệu địa, có lực không giải thích”. Đã nói Tịnh giác nói thượng diệu địa nay vì sao không giải thích? Rõ biết Tịnh giác tức là nhân thuyết, nếu không như vậy vì sao nêu bày có Tịnh giác trách không giải thích?

Biện rằng: Xem văn xét lý bao gồm luận không tổn hại, vì sao? Hơn nữa nói Giác quán, nếu Phạm bản có, tức không nên trách dịch chủ tăng thêm. Nếu Phạm bản không, sư tưởng Duy thức không dẫn sự nhầm này, lấy nghĩa “tư duy” của chánh luận kia thông chứng nguyên do của nhân quả ngôn thuyết, rốt cuộc có lỗi gì? Luận nói nhân thuyết rất rõ ràng, nên suy nghĩ lại.

Luận: “Hậu đắc trí” đến “ắt nhờ tâm tứ”.

Hỏi: Trong căn bản trí có tâm tứ chảnh?

Đáp: Không có, cho nên luận Du-già quyển 73 ghi: Hỏi: Nếu tư duy Chân như tức quán Chân như ư? Giả sử quán Chân như tức tư duy Chân như? Đáp: Nên làm bốn câu, có tư duy Chân như chẳng phải quán Chân như, nghĩa là do phân biệt sở nhiếp như lý tác ý tư duy Chân như, nhưng thấy tướng Chân như không thấy thật Chân như, nhĩn đến chưa được chánh thông đạt vị và thông đạt hậu tác ý tư duy an lập Chân như; có quán Chân như chẳng phải tư duy Chân như, nghĩa là khi thông đạt Chân như do Thắng nghĩa nên tư duy tướng ấy; có tư duy Chân như cũng là quán Chân như, nghĩa là sau khi thông đạt tương tục tư duy phi an lập Chân như; có không tư duy Chân như cũng không quán Chân như, nghĩa là lìa như lý sở dẫn các tướng tác ý tư duy.

Giải thích: Câu thứ hai ấy tức căn bản trí nói chẳng phải tư duy, rõ ràng không có tâm tứ.

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói do Thắng nghĩa tư duy tướng kia?

Đáp: Không đồng với Gia hạnh, Hậu đắc trí v.v... nói chẳng phải tư duy. Nhưng thân chứng chân nói do Thắng nghĩa gọi là tư duy tướng ấy. Tư duy chính là tên khác của năng duyên, cũng như tên gọi Mạt-na xuất thế, chẳng phải nhiếp ý nên không gọi là tư lương. Vô lậu chánh tư cũng gọi là ý.

